

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

071 112

A14

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA22QDL

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thảo luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04/04/2024

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116622004	Lê Hồ Việt	Bách	14/01/2004	Nam	9,8	4,8	7,3	001	Bách	
2	116622005	Hứa Minh	Châu	09/08/2003	Nữ	9,0	5,0	7,0	002	Chau	
3	116622006	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/09/2004	Nữ	10,0	5,8	7,9	003	Duan	
4	116622007	Nghiêm Lê Minh	Duy	09/04/2004	Nam						Vin
5	116622009	Thạch Thị Mỹ	Duyên	03/08/2004	Nữ	9,8	6,0	7,9	005	Dieu	
6	116622014	Võ Tuyết	lên	12/01/2004	Nữ	10,0	6,0	8,0	006	W	
7	116622015	Phạm Thị Diễm	Khanh	09/01/2004	Nữ	10,0	3,8	6,9	007	Khah	
8	116622016	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/2004	Nữ	8,8	6,3	7,6	008	Net	
9	116622018	Nguyễn Võ Anh	Minh	31/03/2004	Nam	10,0	5,5	7,8	009	ty	
10	116622019	Mai Thị Diễm	My	23/07/2003	Nữ	9,0	4,8	6,9	010	Thanh	
11	116622022	Lê Lâm Kim	Ngọc	31/01/2004	Nữ	10,0	2,8	6,4	011	Ngoc	
12	116622024	Huỳnh Khánh	Nguyên	07/06/2004	Nam	10,0	4,8	7,4	012	Nguyen	
13	116622025	Sơn Thị Sô	Nha	06/08/2003	Nữ	10,0	4,5	7,3	013	Ph	
14	116622026	Nguyễn Tuyết	Như	04/12/2004	Nữ	10,0	6,8	8,4	014	Nhu	
15	116622028	Lâm Minh	Thiện	11/01/2004	Nam	10,0	5,3	7,7	015	Thien	
16	116622031	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	01/01/2004	Nữ	10,0	5,3	7,7	016	Nguyen	
17	116622034	Trần Khánh	Vi	20/09/2004	Nữ	10,0	5,5	7,8	017	V	
18	116622038	Thạch	Bê	27/07/2003	Nam	10,0	5,3	7,7	018	Thach	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA22QDL

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 4 / 2024

Phòng thi: D.1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116622041	Nguyễn Quốc Hiệp	07/07/2004	Nam	10,0	5,0	7,5	008			
2	116622044	Nguyễn Ngọc Minh	26/10/2004	Nam	8,8	4,8	6,8	009			
3	116622046	Kim Mỹ Nhiên	16/04/2004	Nữ	9,8	5,0	7,4	010			
4	116622048	Thạch Thị Minh Thư	29/09/2004	Nữ	10,0	4,3	7,2	011			
5	116622049	Trương Thị Minh Thư	18/09/2004	Nữ	10,0	4,8	7,4	012			
6	116622052	Trần Ngọc Hân	21/03/2004	Nữ	10,0	4,8	7,4	014			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Sơn Sơn Lê
Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71.114

4/4

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA22QTKS

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....04.....4.....2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118922004	Trần Châu Huỳnh	18/02/2003	Nữ	8,0	✓	✓	✓	HLay		
2	118922009	Thạch Dương Huyền Ái	03/04/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	002	HLay		
3	118922011	Nguyễn Hoài Bảo	08/04/2004	Nam	9,3	4,0	6,7	003	HLay		
4	118922015	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/10/2004	Nữ	10,0	6,8	8,4	004	HLay		
5	118922016	Nguyễn Thị Khánh Ly	04/07/2004	Nữ	9,8	6,0	7,9	005	HLay		
6	118922023	Dương Bích Trâm	11/10/2004	Nữ	9,3	4,0	6,7	006	Tham		
7	118922026	Thạch Ngọc Như Ý	26/08/2004	Nữ	10,0	5,8	7,9	007	HLay		
8	118922032	Lê Thị Mai Thanh Vân	23/01/2000	Nữ	9,0	✓	✓	✓	✓		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06..

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: HLay Phạm Minh Hân

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: HLay

Cán bộ kiểm tra: Lên Sơn La

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA22QTNH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04/04/2024

Phòng thi: Đ71-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	119022002	Võ Thị Huỳnh Duy	25/07/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	008	<u>Đuy</u>		
2	119022004	Trần Thị Oanh Kiều	10/11/2004	Nữ	10,0	3,3	7,7	009	<u>Oanh</u>		
3	119022006	Nguyễn Ngọc Kim Mi	04/06/2004	Nữ	8,0	3,3	5,7	010	<u>Kim</u>		
4	119022007	Lê Minh Nhã	27/10/2004	Nam	8,0	3,8	5,9	011	<u>Nhã</u>		
5	119022008	Thạch Thị Hào Như	09/11/2004	Nữ	9,0	3,3	7,2	012	<u>Như</u>		
6	119022010	Ngô Ngọc Trâm	21/08/2004	Nữ	10,0	3,8	6,9	013	<u>Ngô</u>		
7	119022011	Kiên Thị Đan Trang	11/02/2003	Nữ	10,0	4,5	7,3	014	<u>Đan</u>		
8	119022016	Kim Thị Ngọc Châm	26/03/2004	Nữ	9,3	3,5	6,4	016	<u>Châm</u>		
9	119022017	Võ Hoàng Long	08/11/2002	Nam	10,0	6,3	8,2	017	<u>Long</u>		
10	119022018	Khâu Thị Li Sa	09/02/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
11	119022019	Trần Thị Minh Thư	20/10/2003	Nữ	10,0	6,0	8,0	019	<u>Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

071 113

414

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA20ANH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04 / 04 / 2024

Phòng thi: ĐX.1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	117120001	Sal La	05/07/1999	Nam	7,5	2,0	4,8	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phan Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Chak

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA20TCNH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 1 / 2024

Phòng thi: D7.1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114520013	Nguyễn Đức Huy	05/09/2002	Nam	7,5	2,8	5,2	002			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phạm Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Phạm Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA20THA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 4 / 2024

Phòng thi: D1.1.13

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114320021	Nguyễn Phúc Nhi	20/10/2002	Nữ	8,8	5,3	7,1	003			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 80%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Lã

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA21DDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 1 / 2024

Phòng thi: ĐA 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	115421056	Trần Thị Thanh Ngân	26/09/2003	Nữ	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00.....

Tổng số tờ: 00.....

Cán bộ coi thi 1: Đinh Thị Anh Duyên

Điểm QT: 80...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đinh Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA21NNAC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 4 / 2024

Phòng thi: Đ.T1-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	110421081	Trương Hoàn Thiện	09/04/2003	Nam	<u>7,8</u>	<u>3,5</u>	<u>5,7</u>	<u>005</u>			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Thị Anh Duyên

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đỗ Văn Kha

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Chak

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tin chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA21TYA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

04 / 4 / 2024

Phòng thi: D.1.10.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	111321117	Nguyễn Nhật Tuấn	20/06/2003	Nam	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>	<u>—</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đinh Đình Thi Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA22YKA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04/04/2024

Phòng thi: Đ.T.1.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116022034	Phạm Thế Đoan	09/05/2003	Nam	<u>9,0</u>	<u>5,5</u>	<u>7,3</u>	<u>013</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký] Nguyễn Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TCNH

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....04.....4.....2024

Phòng thi:.....D.T.1.113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	114523072	Phạm Thị Thu Trà	14/10/2004	Nữ	<u>10,0</u>	<u>4,5</u>	<u>7,3</u>	<u>015</u>	<u>Thuha</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....01.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phạm Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Sơ Văn Sơn
Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Đức

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23YKB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
04/04/2024

Phòng thi: D.1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116021347	Nguyễn Thuý Ngọc	24/02/2002	Nữ	<u>9,5</u>	<u>5,8</u>	<u>7,7</u>	<u>007</u>	<u>Thúc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01....

Tổng số tờ: 01....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi: Thúc Trịnh Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Hùng

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thúc

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH,
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Chủ nghĩa XHHH
Nhóm/Lớp (ghi mã): 021.0A22.0TUS
Sĩ số: 16

Ngày đánh giá: 07/1/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 071.11.4

013

017

017

016

006

016

015

004

011

011

002

010

009

026

008

019

CBCT 1:

Trần Đình Kim Hải

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Chủ nghĩa Mác - Lênin và Khoa học

Nhóm/Lớp (ghi mã): PA22001

Sĩ số: 17

Ngày đánh giá: 04/11/2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: D71.11.2

004	005	006	009
014	015	016	018
019	022	024	025
026	028	031	034
038			

CBCT 1: Nguyễn Quốc Khánh

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học
Nhóm/Lớp (ghi mã): 02/ĐẠI CÁN, ĐA20 TCH, ĐA20 THA
Sĩ số: ĐA21 NNAC, ĐA22 YKA, ĐA23 TCH
ĐA23 YKB, ĐA22 QDL

Ngày đánh giá: 04/11/2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: Đ11/M3

110421081

116622052

114523072

116022034

116622044

116622049

116021347

114220021

116622048

-

116622041

114520013

116622046

117120001

CBCT 1: nhl Trịnh Thị Anh Duyên

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN